



Số: /TTr-ĐHĐCĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty sau kiểm toán.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty sau kiểm toán với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2025 (Cty Mẹ)	Ngày 31/12/2025 (Hợp nhất)
I	Tổng tài sản	34.512.084.933.563	45.610.229.861.415
1	Tài sản ngắn hạn	28.203.955.743.497	38.937.992.400.304
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.522.138.491.386	5.500.117.140.764
1.2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.949.346.364.697	13.468.396.878.002
1.3	Các khoản phải thu	8.434.384.294.670	16.709.167.508.931
1.4	Hàng tồn kho	1.928.719.527.993	2.777.843.137.147
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	369.367.064.751	482.467.735.460
2	Tài sản dài hạn	6.308.129.190.066	6.672.237.461.111
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	7.089.729.800	50.308.898.770
2.2	Tài sản cố định	1.357.704.578.742	3.701.417.142.785
2.3	Bất động sản đầu tư	-	94.648.109.919
2.4	Tài sản dở dang dài hạn	85.746.023.278	241.431.344.055
2.5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.956.053.000.795	510.439.468.839
2.6	Tài sản dài hạn khác	901.535.857.451	2.073.992.496.743
II	Tổng nguồn vốn	34.512.084.933.563	45.610.229.861.415
1	Nợ phải trả	23.421.515.766.342	34.055.115.033.846
1.1	Nợ ngắn hạn	23.385.831.754.561	33.687.203.067.665
	Trong đó: Phải trả người bán	8.632.279.757.260	16.688.155.673.666
1.2	Nợ dài hạn	35.684.011.781	367.911.966.181
2	Vốn chủ sở hữu	11.090.569.167.221	11.555.114.827.569
	Trong đó:		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.342.295.000.000	10.342.295.000.000
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	748.274.167.221	129.441.320.807

Thu

2. Kết quả kinh doanh

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2025
		(Cty Mẹ)	(Hợp nhất)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.825.558.335.640	150.556.578.847.385
2	Giá vốn hàng bán	84.144.544.610.404	146.163.095.709.193
3	Lợi nhuận gộp	1.681.013.725.236	4.393.483.138.192
4	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	417.982.677.222	578.739.236.127
5	LN trước thuế TNDN	451.395.967.700	654.033.569.338
6	LN sau thuế TNDN	343.500.009.234	503.436.261.681
	Trong đó:		
	<i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>		434.732.765.729
	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>		68.703.495.952

Kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết và thông qua.

Trân trọng kính trình!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Cao Hoài Dương



Handwritten signature